

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/MÔ ĐUN

Lớp: **TMT21B** Năm học: **21-22**
Mã môn học/ Mô đun: **MH03115** Học kỳ: **01**
Tên môn học/ Mô đun: **Kỹ thuật đo lường**
Số tín chỉ: **3**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1			Hệ số 2			ThiL1	ThiL2	ĐMH/ MD
1	21BTMT0001	Amach Aly	13/02/2006			6	5	0		0.0	0.0	1.3
2	21BTMT0002	Huỳnh Công Hiền	21/03/2006			6	6	7		4.5		5.3
3	21BTMT0003	Phạm Hữu Khang	26/02/2006			5	7	0		0.0	0.0	1.5
4	21BTMT0004	Đỗ Anh Khôi	30/06/2006			5	6	0		0.0	0.0	1.4
5	21BTMT0005	Nguyễn Trọng Khương	27/10/2006			6	5	7		4.3		5.0
6	21BTMT0006	Huỳnh Trung Kiển	28/06/2006			0	0	0		0.0	0.0	0.0
7	21BTMT0007	Huỳnh Tuấn Kiệt	25/07/2006			6	6	5		1.5	6.8	6.3
8	21BTMT0008	Nguyễn Bá Lộc	06/01/2006			5	6	5		0.0	0.0	2.2
9	21BTMT0009	Lễ Tân Luân	30/06/2006			0	0	0		0.0	0.0	0.0
10	21BTMT0010	Nguyễn Hoàng Luân	09/10/2006			6	7	5		0.0	0.0	2.4
11	21BTMT0011	Nguyễn Thị Tuyết Minh	14/11/2005			6	5	6		4.8		5.1
12	21BTMT0012	Nguyễn Hoàng Nam	02/12/2006			0	0	0		0.0	0.0	0.0
13	21BTMT0013	Đặng Bình Nguyễn	15/08/2006			5	5	0		0.0	0.0	1.2
14	21BTMT0014	Phạm Quỳnh Như	27/03/2006			0	0	0		0.0	0.0	0.0
15	21BTMT0015	Nguyễn Phú Quý	26/03/2006			5	6	6		0.0	0.0	2.3
16	21BTMT0016	Mund Sour Hô Sen	10/02/2005			7	5	0		0.0	0.0	1.4
17	21BTMT0017	Ngô Quốc Thái	04/11/2004			4	6	5		0.0	0.0	2.1
18	21BTMT0018	Nguyễn Văn Thiệu	10/12/2005			7	7	6		4.3		5.2
19	21BTMT0019	Võ Minh Thuận	09/04/2005			6	6	5		0.0	0.0	2.2
20	21BTMT0020	Đoàn Thị Bảo Trân	25/04/2006			9	8	8		6.3		7.1
21	21BTMT0021	Nguyễn Thị Bích Tuyền	12/10/2005			6	7	6		0.0	0.0	2.6
22	21BTMT0334	Nguyễn Hoàng Nam	15/08/2003			8	8	7		5.5		6.3

Châu Đốc, ngày 5 tháng 8 năm 2022

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Lương Đức Nam